

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC DỰ KIẾN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
527	20810620028	Nguyễn Bá Hòa	Nam	13/08/2002	D15CODY1	3.85	81		Giỏi	20	18	8,745,000	
528	20810620052	Nguyễn Văn	Lương	13/12/2002	D15CODY3	3.75	90		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
529	20810620088	Nguyễn Hữu	Lượng	28/04/2002	D15CODY2	3.69	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
530	20810620096	Nguyễn Đình	Duy	20/11/2002	D15CODY2	3.58	95		Giỏi	18	18	8,745,000	
531	20810620043	Phùng Mạnh	Hùng	11/09/2002	D15CODY1	3.56	82		Giỏi	18	18	8,745,000	
532	20810620087	Lê Đình	Hưng	17/10/2002	D15CODY2	3.5	98		Giỏi	18	18	8,745,000	
533	20810620097	Nguyễn Trường	Giang	27/11/2002	D15CODY2	3.44	82		Giỏi	18	18	8,745,000	
534	20810620033	Đào Văn	Long	20/12/2002	D15CODY3	3.42	86		Giỏi	18	18	8,745,000	
535	20810620029	Lê Văn	Tài	12/06/2002	D15CODY1	3.42	80		Giỏi	18	18	8,745,000	
536	20810000080	Đàm Công	Ý	09/03/2002	D15CKCTM	3.89	91		Xuất sắc	18	18	9,540,000	
537	20810000100	Phạm Văn	Hùng	15/11/2002	D15CKCTM	3.83	79		Khá	18	18	7,950,000	
538	20810000227	Nguyễn Tiến	Dũng	07/11/2002	D15CKCTM	3.83	79		Khá	18	18	7,950,000	
539	20810000240	Nguyễn Hữu	Mạnh	13/09/2002	D15CKCTM	3.78	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
540	20810610035	Phùng Tiến	Dũng	23/12/2002	D15CKOTO1	3.94	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
541	20810610265	Nguyễn Anh	Đức	11/07/2002	D15CKOTO1	3.36	86		Giỏi	18	18	8,745,000	
542	20810610002	Nguyễn Văn	Linh	25/02/2001	D15CKOTO1	3.33	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
543	20810000051	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	09/01/2002	D15CKOTO2	3.17	94		Khá	18	18	7,950,000	
544	20810610256	Trần Văn	Phong	26/05/2002	D15CKOTO2	3.03	83		Khá	18	18	7,950,000	
545	20810630075	Nguyễn Văn	Nam	11/06/2002	D15XDDD&CN	3.31	92		Giỏi	18	18	8,745,000	
546	20810630055	Nguyễn Quang	Hiếu	14/10/2002	D15XDDD&CN	2.72	87		Khá	18	18	7,950,000	
547	20810540044	Trần Thị	Thảo	17/11/1996	D15DTVT	3.63	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
548	20810510101	Nguyễn Hoàng	Duy	29/11/2002	D15DTVT	3.18	80		Khá	19	19	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
549	20810510088	Đình Quang	Hà	20/01/2002	D15DTVT	3.11	80		Khá	19	19	7,950,000	
550	20810510100	Trương Duy	Hải	28/01/1994	D15DT&KT MT	3.08	92		Khá	19	19	7,950,000	
551	20810000286	Phạm Văn Sơn	Hải	06/02/2002	D15DT&KT MT	2.95	87		Khá	19	19	7,950,000	
552	20810510122	Nguyễn Bá	Khánh	09/07/2002	D15DT&KT MT	2.74	87		Khá	19	19	7,950,000	
553	20810540015	Nguyễn Thành	Công	21/4/2000	D15DT&KT MT	2.61	85		Khá	19	19	7,950,000	
554	20810000260	Ngô Trí	Đạo	23/11/2002	D15KTDT	2.55	87		Khá	19	19	7,950,000	
555	20810000276	Nguyễn Việt	Hoàng	15/05/2002	D15MVT&M T	2.92	86		Khá	19	19	7,950,000	
556	20810540048	Đoàn Văn	Quân	11/02/2002	D15MVT&M T	2.87	84		Khá	19	19	7,950,000	
557	20810000297	Trần Quốc	Thái	11/08/2002	D15TBDTYT	2.79	78		Khá	19	19	7,950,000	
558	20810160500	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002	D15DCN&D D2	3.5	83		Giỏi	19	19	8,745,000	
559	20810110182	Trần Văn	Hùng	09/01/2002	D15DCN&D D1	3.26	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
560	20810160455	Lưu Hữu	Huy	12/08/2002	D15DCN&D D2	3.21	83		Giỏi	19	19	8,745,000	
561	20810420074	Đỗ Xuân	An	20/4/2002	D15DCN&D D1	3.11	94		Khá	19	19	7,950,000	
562	20810170364	Dương Đức	Hoàng	11/03/2002	D15DCN&D D2	3.05	87		Khá	19	19	7,950,000	
563	20810160458	Nguyễn Ngọc	Đạt	29/08/2002	D15DCN&D D2	2.97	84		Khá	19	19	7,950,000	
564	20810160425	Nguyễn Văn	Quang	03/10/2002	D15DCN&D D2	2.95	87		Khá	19	19	7,950,000	
565	20810160520	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002	D15H6	3.45	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
566	20810420039	Phạm Bùi Quỳnh	Anh	28/6/2002	D15H4	3.45	92		Giỏi	19	19	8,745,000	
567	20810160507	Nguyễn Xuân	Chúc	11/06/2002	D15H2	3.34	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
568	20810110286	Nguyễn Trung	Hiếu	14/09/2002	D15H3	3.34	96		Giỏi	19	19	8,745,000	
569	20810420004	Nguyễn Duy	Khánh	27/6/2002	D15H4	3.32	84		Giỏi	19	19	8,745,000	
570	20810170410	Nguyễn Trọng	Hiếu	06/07/2002	D15H6	3.26	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
571	20810420006	Vũ Đức	Hà	09/10/2001	D15H4	3.26	86		Giỏi	19	19	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
572	20810160531	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002	D15H6	3.21	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
573	20810420078	Mai Quang	Hưng	03/03/2002	D15H5	3.21	85		Giỏi	21	19	8,745,000	
574	20810110302	Nguyễn Văn	Long	20/08/2002	D15H3	3.16	89		Khá	19	19	7,950,000	
575	20810110265	Lê Đình	Phương	27/12/2002	D15H3	3.16	86		Khá	19	19	7,950,000	
576	20810420012	Nguyễn Tuấn	Ngọc	10/07/2001	D15H4	3.16	85		Khá	19	19	7,950,000	
577	20810160491	Đào Khánh	Duy	02/03/2002	D15H5	3.13	88		Khá	19	19	7,950,000	
578	20810110300	Lục Nguyễn Tiến	Bộ	16/11/2002	D15H3	3	81		Khá	19	19	7,950,000	
579	20810420038	Vì Thu	Huyền	11/01/2002	D15H4	3	83		Khá	19	19	7,950,000	
580	20810420025	Phạm Khánh	Linh	25/10/2002	D15H4	2.97	88		Khá	19	19	7,950,000	
581	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	08/11/2002	D15H2	2.95	86		Khá	19	19	7,950,000	
582	20810160423	Nguyễn Hữu	Hải	29/10/2002	D15H1	2.95	92		Khá	19	19	7,950,000	
583	20810420002	Nguyễn Tuấn	Anh	13/10/2002	D15H4	2.87	91		Khá	19	19	7,950,000	
584	20810420019	Lê Minh	Ánh	19/7/2002	D15H4	2.87	86		Khá	19	19	7,950,000	
585	20810160461	Nguyễn Đức	Việt	04/02/2002	D15H6	2.82	84		Khá	19	19	7,950,000	
586	20810420009	Nguyễn Quang	Hiệu	18/5/2002	D15H4	2.79	83		Khá	19	17	7,950,000	
587	20810170327	Nguyễn Hàn Sinh	Long	02/05/2002	D15H6	2.79	98		Khá	19	17	7,950,000	
588	20810170361	Lê Văn	Điền	08/11/2001	D15TDHHTD 1	3.18	88		Khá	19	17	7,950,000	
589	20810170416	Nguyễn Trung	Hiếu	13/05/2002	D15TDHHTD 2	3.08	83		Khá	19	17	7,950,000	
590	20810160459	Vũ Văn	Ninh	04/12/2002	D15TDHHTD 2	3.05	89		Khá	19	17	7,950,000	
591	20810160472	Đình Gia	Diễn	01/03/2002	D15TDHHTD 2	2.95	91		Khá	19	17	7,950,000	
592	20810160556	Nguyễn Văn	Khánh	07/03/2002	D15TDHHTD 1	2.95	85		Khá	19	17	7,950,000	
593	20810420037	Nguyễn Lê Khánh	Hòa	15/5/2002	D15TDHHTD 1	2.92	88		Khá	19	17	7,950,000	
594	20810170305	Trần Công	Tuyên	21/01/2002	D15TDHHTD 2	2.89	88		Khá	19	17	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
595	20810110262	Nguyễn Văn	Thái	21/10/2002	D15TDHHTD 1	2.79	88		Khá	19	17	7,950,000	
596	20810430382	Lê Đình	Anh	05/05/2002	D15TDH&D KTBCN4	3.53	90		Giỏi	17	17	8,745,000	
597	20810430121	Phạm Tuấn	Anh	10/11/1998	D15TDH&D KTBCN3	3.35	82		Giỏi	17	17	8,745,000	
598	20810430153	Nguyễn Tiến	Đại	26/02/2002	D15TDH&D KTBCN3	3.29	82		Giỏi	17	17	8,745,000	
599	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002	D15TDH&D KTBCN4	3.29	85		Giỏi	17	17	8,745,000	
600	20810410081	Vũ Phan	Anh	24/01/2002	D15TDH&D KTBCN2	3.06	90		Khá	17	17	7,950,000	
601	20810430365	Chu Đình	Chiều	26/03/2002	D15TDH&D KTBCN4	3.03	85		Khá	17	17	7,950,000	
602	20810430211	Triệu Quốc	Khánh	08/02/2002	D15TDH&D KTBCN4	3	82		Khá	17	17	7,950,000	
603	20810410006	Nguyễn Văn	Tuyển	16/8/2002	D15TDH&D KTBCN1	3	91		Khá	17	17	7,950,000	
604	20810430395	Nguyễn Văn	Sang	20/07/2002	D15TDH&D KTBCN5	3	85		Khá	17	17	7,950,000	
605	20810410107	Phan Văn	Thanh	28/7/2002	D15TDH&D KTBCN2	2.94	90		Khá	17	17	7,950,000	
606	20810410009	Nguyễn Tiến	Đạt	10/05/2002	D15TDH&D KTBCN2	2.91	82		Khá	17	17	7,950,000	
607	20810430164	Nguyễn Văn	Thi	27/08/2002	D15TDH&D KTBCN3	2.88	88		Khá	17	17	7,950,000	
608	20810430253	Giáp Xuân	Thường	06/01/2000	D15TDH&D KTBCN5	2.88	90		Khá	17	17	7,950,000	
609	20810410119	Nguyễn Văn	Ninh	07/03/2002	D15TDH&D KTBCN2	2.88	90		Khá	17	17	7,950,000	
610	20810410037	Nguyễn Thạc Việt	Anh	07/04/2002	D15TDH&D KTBCN1	2.79	82		Khá	17	17	7,950,000	
611	20810430221	Phạm Lê Hương	Ly	19/09/2002	D15TDH&D KTBCN4	2.76	91		Khá	17	17	7,950,000	
612	20810410094	Nguyễn Quang	Linh	08/09/2002	D15TDH&D KTBCN2	2.76	90		Khá	17	17	7,950,000	
613	20810430138	Trịnh Dương	Thọ	04/09/2002	D15TDH&D KTBCN3	2.68	84		Khá	17	17	7,950,000	
614	20810430320	Nguyễn Văn	Nam	08/06/2001	D15TDH&D KTBCN2	2.68	80		Khá	17	17	7,950,000	
615	20810430368	Nguyễn Huy	Hiệp	27/02/2002	D15TDH&D KTBCN4	2.65	84		Khá	17	17	7,950,000	
616	20810430303	Đào Trọng	Đạt	28/12/2002	D15TDH&D KTBCN1	2.59	91		Khá	17	17	7,950,000	
617	20810430394	Trần Quốc	Thuận	01/02/2001	D15CNKTDK	3.24	96		Giỏi	17	17	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
618	20810430149	Mai Đăng	Tuân	24/02/2002	D15CNKTDK	3.06	91		Khá	17	17	7,950,000	
619	20810430247	Bùi Hữu	Hoàng	23/04/2002	D15CNKTDK	2.71	82		Khá	17	17	7,950,000	
620	20810430189	Lê Quốc	Việt	30/09/2002	D15CNKTDK	2.71	87		Khá	17	17	7,950,000	
621	20810410092	Đỗ Trung	Kiên	04/08/2002	D15CNKTDK	2.71	84		Khá	17	17	7,950,000	
622	20810430417	Nguyễn Huyền Tiến	An	25/07/2002	D15THDK&T DH	2.53	88		Khá	18	17	7,950,000	
623	20810000476	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	26/01/2002	D15QLMTCN	3.58	87		Giỏi	19	17	8,745,000	
624	20810000365	Mạc Thị Ánh	Nguyệt	12/02/2002	D15NLTT	3.31	87		Giỏi	16	16	8,745,000	
625	20810310042	Trần Hữu Châu	Minh	09/10/1997	D15CNPM1	3.85	86		Giỏi	17	17	8,745,000	
626	20810310074	Nguyễn Thị Phương	Mai	03/10/1999	D15CNPM2	3.71	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
627	20810310391	Trần Minh	Đức	27/07/2002	D15CNPM4	3.65	82		Giỏi	17	17	8,745,000	
628	20810310331	Nguyễn Hữu	Huân	17/11/2002	D15CNPM3	3.65	89		Giỏi	17	17	8,745,000	
629	20810340160	Nguyễn Duy	Nam	06/06/2002	D15CNPM3	3.59	85		Giỏi	17	17	8,745,000	
630	20810310298	Phan Tiến	Huy	21/09/2002	D15CNPM2	3.53	81		Giỏi	17	17	8,745,000	
631	20810320107	Đỗ Đăng	Tùng	10/06/2002	D15CNPM7	3.53	81		Giỏi	17	17	8,745,000	
632	20810310386	Nguyễn Công	Mạnh	27/10/2002	D15CNPM4	3.53	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
633	20810310267	Nguyễn Duy	Hiếu	11/07/2002	D15CNPM2	3.47	82		Giỏi	17	17	8,745,000	
634	20810310264	Nguyễn Văn	Cường	14/12/2002	D15CNPM2	3.47	86		Giỏi	17	17	8,745,000	
635	20810310402	Nguyễn Văn	Huy	15/06/2002	D15CNPM4	3.44	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
636	20810310273	Trần Anh	Tuấn	12/03/2002	D15CNPM2	3.44	83		Giỏi	17	17	8,745,000	
637	20810310314	Vũ Việt	Anh	15/12/2002	D15CNPM3	3.44	83		Giỏi	17	17	8,745,000	
638	20810310433	Lê Hoàng	Sơn	28/02/2002	D15CNPM5	3.41	87		Giỏi	17	17	8,745,000	
639	20810310272	Chu Minh	Nam	02/07/2002	D15CNPM2	3.35	81		Giỏi	17	17	8,745,000	
640	20810310270	Phùng Thái	Sơn	26/02/2002	D15CNPM2	3.35	83		Giỏi	17	17	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
641	20810340214	Đặng Lê Hà	Phong	27/07/2002	D15CNPM2	3.35	84		Giỏi	17	17	8,745,000	
642	20810340250	Lê Minh	Tú	26/08/2002	D15CNPM3	3.29	81		Giỏi	17	17	8,745,000	
643	20810310313	Đỗ Chí	Đức	09/04/2002	D15CNPM3	3.29	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
644	20810340166	Trần Chí	Kiên	28/03/2002	D15CNPM6	3.29	76		Khá	17	17	7,950,000	
645	20810320104	Dương Khánh	Linh	04/11/2002	D15CNPM7	3.26	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
646	20810320124	Nguyễn Hữu	Hùng	14/05/2002	D15CNPM7	3.26	78		Khá	17	17	7,950,000	
647	20810310344	Nguyễn Hữu	Hiếu	12/05/2002	D15CNPM3	3.24	80		Giỏi	17	17	8,745,000	
648	20810310274	Nguyễn Trung	Nguyên	07/12/2002	D15CNPM2	3.21	87		Giỏi	17	17	8,745,000	
649	20810310405	Trần Hải	Đặng	12/08/2002	D15CNPM4	3.18	80		Khá	17	17	7,950,000	
650	20810310475	Trần Tuấn	Anh	15/09/2002	D15CNPM5	3.18	85		Khá	17	17	7,950,000	
651	20810310271	Trần Hoàng	Trung	15/01/2002	D15CNPM2	3.15	82		Khá	17	17	7,950,000	
652	20810310555	Nguyễn Thị Kim	Huệ	24/06/2002	D15HTTMDT ₁	3.64	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
653	20810320093	Nguyễn Nhật	Anh	24/9/2002	D15HTTMDT ₂	3.42	93		Giỏi	18	18	8,745,000	
654	20810310044	Nguyễn Thị Kim	Ngân	19/3/2002	D15HTTMDT ₁	3.14	90		Khá	18	18	7,950,000	
655	20810320111	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/09/2002	D15HTTMDT ₂	3.06	98		Khá	18	18	7,950,000	
656	20810310396	Lê Thị	Hồng	25/08/2002	D15HTTMDT ₁	3.03	84		Khá	18	18	7,950,000	
657	20810310071	Nguyễn Duy	Anh	26/12/1998	D15HTTMDT ₁	3	78		Khá	18	18	7,950,000	
658	20810310432	Đậu Hoàng	Nam	15/11/2002	D15QTANM	3.39	79		Khá	18	18	7,950,000	
659	20810320082	Lê Trọng	Văn	15/11/1999	D15QTANM	3.36	76		Khá	18	18	7,950,000	
660	20810310456	Nguyễn Tiến	Thế	06/04/2002	D15QTANM	3.22	90		Giỏi	18	18	8,745,000	
661	20810320119	Vũ Thị	Linh	19/01/2002	D15TTNT&TGMT	3.66	90		Xuất sắc	16	16	9,540,000	
662	20810830229	Phạm Thị	Phương	29/05/2002	D15KTDN3	3.47	89		Giỏi	17	17	7,865,000	
663	20810830236	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	31/10/2002	D15KTDN3	3.44	80		Giỏi	17	17	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
664	20810810007	Đinh Thị Hương	Giang	09/02/2002	D15KTDN1	3.32	86		Giỏi	17	17	7,865,000	
665	20810830214	Bùi Vân	Anh	06/11/2002	D15KTDN3	3.29	84		Giỏi	17	17	7,865,000	
666	20810810141	Dương Thị	Hằng	30/12/2002	D15KTDN2	3.29	85		Giỏi	17	17	7,865,000	
667	20810810051	Dương Thùy	Linh	16/10/2002	D15KTDN1	3.29	80		Giỏi	17	17	7,865,000	
668	20810810041	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14/9/2002	D15KTDN1	3.29	83		Giỏi	17	17	7,865,000	
669	20810810065	Nguyễn Thị Phương	Linh	05/12/2002	D15KTDN2	3.24	91		Giỏi	17	17	7,865,000	
670	20810810001	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	14/09/2002	D15KTDN1	3.15	84		Khá	17	17	7,150,000	
671	20810810039	Đỗ Thị	Nhung	26/8/2002	D15KTDN1	3.12	80		Khá	17	17	7,150,000	
672	20810810054	Trần Phương	Thảo	03/11/2002	D15KTDN1	3.06	83		Khá	17	17	7,150,000	
673	20810830215	Trần Thu	Hiền	12/11/2002	D15KTDN3	3.03	88		Khá	17	17	7,150,000	
674	20810810154	Nguyễn Thị	Thảo	11/11/2001	D15KTDN2	3.03	85		Khá	17	17	7,150,000	
675	20810810050	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/01/2002	D15KTDN1	2.97	83		Khá	17	17	7,150,000	
676	20810810129	Nguyễn Diệu	Linh	01/05/2002	D15KTDN2	2.94	86		Khá	17	17	7,150,000	
677	20810810173	Đoàn Bùi Phương	Thanh	22/11/2002	D15KT&KS	3.47	88		Giỏi	17	17	7,865,000	
678	20810830200	Đặng Huyền	Trang	18/12/2002	D15KT&KS	2.82	85		Khá	17	17	7,150,000	
679	20810850089	Nguyễn Hà	Thu	11/07/2002	D15KIEMTO AN2	3.58	91		Giỏi	19	19	7,865,000	
680	20810850054	Đào Thanh	Hiền	12/01/2002	D15KIEMTO AN1	3.53	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
681	20810850031	Nguyễn Thanh	Huyền	20/12/2002	D15KIEMTO AN1	3.39	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
682	20810850036	Lưu Quỳnh	Duyên	11/03/2002	D15KIEMTO AN1	3.34	93		Giỏi	19	19	7,865,000	
683	20810850045	Trần Thị Thu	Hoài	20/11/2002	D15KIEMTO AN1	3.29	81		Giỏi	19	19	7,865,000	
684	20810850056	Lê Phương	Thảo	21/08/2002	D15KIEMTO AN2	3.29	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
685	20819110113	Tạ Quốc	Duy	08/04/2002	D15DIENLA NH2	2.91	82		Khá	17	17	7,950,000	
686	20819110085	Lưu Thế	Quân	03/06/2002	D15DIENLA NH2	2.91	81		Khá	17	17	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
687	20819110100	Lê Văn	Đức	16/07/2002	D15DIENLA NH1	2.85	86		Khá	17	17	7,950,000	
688	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002	D15DIENLA NH2	2.79	85		Khá	17	17	7,950,000	
689	20819110089	Nguyễn Hai	Giáp	24/03/2002	D15DIENLA NH1	2.79	87		Khá	17	17	7,950,000	
690	20819110052	Nguyễn Xuân	Chiến	12/05/2002	D15DIENLA NH1	2.74	88		Khá	17	17	7,950,000	
691	20819110070	Nguyễn Đăng	Huỳnh	26/06/2002	D15NHIETDI EN	2.62	92		Khá	17	17	7,950,000	
692	20810230036	Trần Lê Hương	Giang	16/08/2002	D15LOGISTI CS1	3.44	89		Giỏi	18	18	8,745,000	
693	20810230030	Hoàng Trà	My	30/01/2002	D15LOGISTI CS1	3.44	87		Giỏi	18	18	8,745,000	
694	20810230126	Nguyễn Thị Thương	Huyền	10/02/2002	D15LOGISTI CS3	3.42	85		Giỏi	18	18	8,745,000	
695	20810230086	Mạc Thị	Hiền	14/11/2002	D15LOGISTI CS2	3.39	82		Giỏi	18	18	8,745,000	
696	20810230098	Nguyễn Thị	Loan	06/10/2002	D15LOGISTI CS2	3.36	86		Giỏi	18	18	8,745,000	
697	20810230123	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/07/2002	D15LOGISTI CS3	3.31	84		Giỏi	18	18	8,745,000	
698	20810230152	Nghiêm Thị Thu	Trang	18/08/2002	D15LOGISTI CS3	3.31	85		Giỏi	18		8,745,000	
699	20810230153	Trần Thị Thảo	Đan	03/01/2002	D15LOGISTI CS3	3.19	84		Khá	18		7,950,000	
700	20810230139	Nguyễn Anh	Quân	14/06/2002	D15LOGISTI CS3	3.19	82		Khá	18		7,950,000	
701	20810230049	Nguyễn Thị	Tâm	05/08/2002	D15LOGISTI CS1	3.19	85		Khá	18		7,950,000	
702	20810000458	Nguyễn Thị	Hồng	27/7/2001	D15QLSX&T N	3.44	88		Giỏi	18		8,745,000	
703	20810000516	Vũ Như	Quang	03/04/2002	D15QLSX&T N	3.31	89		Giỏi	18		8,745,000	
704	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	08/12/2002	D15QLDT&K H	3.44	88		Giỏi	18		8,745,000	
705	20810000477	Trần Thị	Ngoan	04/11/2001	D15QLDT&K H	2.97	89		Khá	18		7,950,000	
706	20810000437	Lã Mạnh	Dũng	05/05/2002	D15KTNL	3	90		Khá	17		7,950,000	
707	20810000212	Phí Nguyễn Quỳnh	Anh	16/12/2002	D15KTNL	2.82	90		Khá	17		7,950,000	
708	20810000438	Lê Thu	Quỳnh	05/12/2002	D15QTDVDL &LH2	3.69	87		Giỏi	16		7,865,000	
709	20810000029	Kiều Thị Hồng	Nhung	25/11/2002	D15QTDVDL &LH1	3.42	87		Giỏi	19		7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
710	20810000350	Nguyễn Phương	Anh	23/09/2002	D15QTDVDL &LH2	3.42	87		Giỏi	19		7,865,000	
711	20810000353	Phùng Minh	Nhật	28/11/2002	D15QTDVDL &LH1	3.39	94		Giỏi	19		7,865,000	
712	20810000363	Nguyễn Hồng	Vân	26/04/2002	D15QTDVDL &LH2	3.29	86		Giỏi	19		7,865,000	
713	20810710088	Trịnh Thị	Mai	23/6/1999	D15QTDN1	3.58	92		Giỏi	19		7,865,000	
714	20810720015	Nguyễn Ngọc Tuấn	Minh	16/02/2000	D15QTDN5	3.47	94		Giỏi	17		7,865,000	
715	20810710166	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	20/06/2002	D15QTDN2	3.47	90		Giỏi	19		7,865,000	
716	20810000307	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/06/2002	D15QTDN4	3.37	81		Giỏi	19		7,865,000	
717	20810710171	Nguyễn Thu	Huyền	30/11/2002	D15QTDN5	3.35	91		Giỏi	17		7,865,000	
718	20810710159	Hồ Thị Hải	Yến	23/09/2002	D15QTDN2	3.24	83		Giỏi	19		7,865,000	
719	20810710074	Trần Thị	Điệp	11/12/2002	D15QTDN1	3.24	87		Giỏi	19		7,865,000	
720	20810710223	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/08/2002	D15QTDN3	3.24	82		Giỏi	19		7,865,000	
721	20810710066	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	08/07/2001	D15QTDN1	3.21	91		Giỏi	19		7,865,000	
722	20810710001	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/04/2001	D15QTDN5	3.09	82		Khá	17		7,150,000	
723	20810720025	Trần Thị	Trang	05/10/2002	D15QTDN4	3.08	87		Khá	19		7,150,000	
724	20810710164	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/07/2002	D15QTDN5	2.95	85		Khá	19		7,150,000	
725	20810710292	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/05/2002	D15QTDN5	2.94	83		Khá	17		7,150,000	
726	20810000336	Nguyễn Hoàng	Hưng	24/12/2002	D15QTDN3	2.92	80		Khá	19		7,150,000	
727	20810710185	Trần Thị Ngọc	Linh	22/01/2002	D15QTDN3	2.89	83		Khá	19		7,150,000	
728	20810710154	Trần Thị Như	Quỳnh	09/01/2002	D15QTDN2	2.89	82		Khá	19		7,150,000	
729	20810710176	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/04/2002	D15QTDN1	2.79	88		Khá	19		7,150,000	
730	20810710288	Trần Quỳnh	Anh	28/09/2002	D15QTDN5	2.74	88		Khá	17		7,150,000	
731	20810710153	Nguyễn Thị Hải	Linh	10/08/2002	D15QTDN2	2.74	83		Khá	19		7,150,000	
732	20810720053	Nguyễn Anh	Tùng	21/10/2002	D15QTDLKS	2.89	84		Khá	18		7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
733	20810710210	Lê Thị	Thúy	03/09/2002	D15QTDLKS	2.78	83		Khá	18		7,150,000	
734	20810820083	Nguyễn Văn	Doanh	07/11/2002	D15NGANH ANG	3.28	82		Giỏi	18		7,865,000	
735	20810820081	Nguyễn Quang Gia	Tường	28/10/2002	D15NGANH ANG	3.14	83		Khá	18		7,150,000	
736	20810820096	Doãn Hà	Ngọc	03/02/2002	D15NGANH ANG	3.14	84		Khá	18		7,150,000	
737	20810820120	Vũ Thị Thanh	Tuyền	27/11/2002	D15TCDN2	3.78	89		Giỏi	18		7,865,000	
738	20810820069	Trần Thị Minh	Anh	29/06/2002	D15TCDN1	3.36	89		Giỏi	18		7,865,000	
739	20810820036	Giáp Thị	Dung	03/01/2002	D15TCDN1	3.25	88		Giỏi	18		7,865,000	
740	20810820066	Đào Thu	Mai	20/03/2002	D15TCDN1	3.22	89		Giỏi	18		7,865,000	
741	20810820053	Nguyễn Đình Duy	Minh	20/09/2002	D15TCDN1	3.19	89		Khá	18		7,150,000	
742	20810820064	Nguyễn Minh	Thông	15/01/2002	D15TCDN1	3.08	90		Khá	18		7,150,000	
743	20810820074	Đoàn Hải	Long	31/10/2002	D15TCDN1	3	86		Khá	18		7,150,000	
744	20810820003	Trương Nguyệt	Linh	09/12/2002	D15TCDN1	3	86		Khá	18		7,150,000	
745	20810000115	Vũ Hồng	Thắm	19/08/2002	D15KDTMTT 2	3.67	95		Xuất sắc	18	15	8,580,000	
746	20810000113	Nguyễn Ngọc	Quyên	21/11/2002	D15KDTMTT 1	3.07	87		Khá	15	15	7,150,000	
747	20810000130	Đỗ Thị	Linh	10/06/2002	D15KDTMTT 1	3.03	78		Khá	18	15	7,150,000	
748	20810000117	Kiều Lan	Anh	10/01/2002	D15KDTMTT 1	3	84		Khá	18	15	7,150,000	
749	20810000344	Ngô Thanh	Hoài	13/09/2002	D15KDTMTT 2	2.89	91		Khá	18	15	7,150,000	
750	20810000019	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002	D15KDTMTT 1	2.89	86		Khá	18	15	7,150,000	
751	20810000108	Lê Thị Vân	Anh	24/12/2002	D15KDTMTT 2	2.83	82		Khá	18	15	7,150,000	
752	20810000085	Dương Thị	Duyên	08/09/2002	D15KDTMTT 2	2.81	95		Khá	18	15	7,150,000	
753	19810620053	Lê Thị Lan	Anh	23/09/1999	D14CODT	3.79	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
754	19810620004	Nguyễn Văn	Du	16/08/2001	D14CODT	3.74	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
755	19810620022	Lê Đăng	Huy	13/06/2001	D14CODT	3.74	87		Giỏi	19	19	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
756	19810620007	Nguyễn Mạnh	Cường	31/08/2001	D14CODY	3.71	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
757	19810610108	Lê Anh	Dũng	05/10/2001	D14CKCTM	3.53	91		Giỏi	18	18	8,745,000	
758	19810610063	Nguyễn Hữu	Điệp	27/01/2001	D14CKCTM	3.36	82		Giỏi	18	18	8,745,000	
759	19810000026	Đỗ Đình	Lợi	31/5/2001	D14CKOTO	3.68	89		Giỏi	19	19	8,745,000	
760	19810000073	Phạm Văn	Vinh	22/09/2001	D14CKOTO	3.47	93		Giỏi	19	19	8,745,000	
761	19810650004	Nguyễn Quyết	Thắng	27/10/2001	D14XDCTD	3.23	79		Khá	22	22	7,950,000	
762	19810540128	Nguyễn Minh	Toán	25/05/2001	D14DT&KT MT	3.61	82		Giỏi	19	19	8,745,000	
763	19810420022	Nguyễn Văn	Tùng	01/08/2001	D14DT&KT MT	3.61	83		Giỏi	19	19	8,745,000	
764	19810510143	Trần Tuấn	Anh	08/03/2001	D14DTVT	3.55	89		Giỏi	20	20	8,745,000	
765	19810510141	Hoàng Đại	Dương	11/02/2001	D14DTVT	3.08	90		Khá	20	20	7,950,000	
766	19810510170	Nguyễn Văn	Thịnh	19/4/2001	D14DTVT	2.88	89		Khá	20	20	7,950,000	
767	19810540184	Lê Văn	Tiến	24/3/2000	D14KTDT	3.08	81		Khá	19	19	7,950,000	
768	19810000142	Nguyễn Đức	Đạt	14/06/2001	D14MVT&M T	3	91		Khá	19	19	7,950,000	
769	19810530122	Hoàng Thanh	Hà	23/05/2001	D14TBDTYT	2.68	81		Khá	19	19	7,950,000	
770	19810420346	Nguyễn Trọng	Sơn	09/07/2001	D14H3	4	94		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
771	19810110199	Nguyễn Đình	Hiếu	29/10/2001	D14H2	3.93	94		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
772	19810110258	Chu Mạnh	Phóng	07/08/2001	D14H3	3.9	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
773	19810110216	Đoàn Quang	Duyệt	24/12/2001	D14H3	3.88	93		Xuất sắc	17	15	9,540,000	
774	19810110014	Từ Văn	Tình	17/09/2001	D14H1	3.8	91		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
775	19810110179	Ngô Long	Toàn	04/12/2000	D14H2	3.77	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
776	19810110177	Nguyễn Hoàng	Anh	10/10/2001	D14H2	3.77	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
777	19810110206	Lò Đức	Cường	09/10/1998	D14H2	3.73	88		Giỏi	15	15	8,745,000	
778	19810110081	Lê Thu	Trà	30/10/2001	D14H1	3.7	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
779	19810110183	Nguyễn Văn	Tuấn	04/11/2001	D14H2	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
780	19810110123	Nguyễn Hữu Việt	Hoàng	16/4/2001	D14H2	3.53	95		Giỏi	15	15	8,745,000	
781	19810110360	Hà Hồng	Thùy	09/07/2001	D14H1	3.47	82		Giỏi	15	15	8,745,000	
782	19810110268	Đặng Ngọc	Hùng	25/09/2001	D14H3	3.47	91		Giỏi	16	15	8,745,000	
783	19810420382	Chữ Đức	Huy	11/08/2001	D14DCN&D D1	3.83	93		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
784	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/2001	D14DCN&D D2	3.7	84		Giỏi	15	15	8,745,000	
785	19810420213	Phạm Viết	Huy	22/02/2001	D14DCN&D D1	3.67	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
786	19810420057	Nguyễn Mạnh	Tiến	06/01/2001	D14DCN&D D1	3.63	85		Giỏi	15	15	8,745,000	
787	19810420021	Phạm Duy	Sơn	01/01/2001	D14DCN&D D1	3.6	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
788	19810420029	Đào Hồng	Quyền	09/01/2001	D14DCN&D D1	3.53	89		Giỏi	15	15	8,745,000	
789	19810170366	Phạm Văn	Thế	18/08/2001	D14TDHHTD 1	3.57	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
790	19810170051	Tòng Vinh	Lập	27/10/2001	D14TDHHTD 1	3.5	91		Giỏi	15	15	8,745,000	
791	19810170298	Hoàng Trung	Hiếu	04/12/2001	D14TDHHTD 2	3.47	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
792	19810170115	Nguyễn Đức	Duy	03/04/2001	D14TDHHTD 1	3.47	96		Giỏi	15	15	8,745,000	
793	19810170303	Hoàng Thanh	Tuyền	12/10/2001	D14TDHHTD 2	3.43	85		Giỏi	15	15	8,745,000	
794	19810170166	Đoàn Ngọc	Bảo	19/12/2001	D14TDHHTD 1	3.43	85		Giỏi	15	15	8,745,000	
795	19810410154	Lương Văn	Tùng	24/12/2001	D14CNKTDK 1	3.32	93		Giỏi	19	19	8,745,000	
796	19810410332	Đỗ Văn	Ngọc	01/03/2001	D14CNKTDK 1	2.89	93		Khá	19	19	7,950,000	
797	19810410182	Đỗ Công	Công	12/10/2001	D14CNKTDK 1	2.87	93		Khá	19	19	7,950,000	
798	19810410337	Hoàng Văn	Thuận	27/9/2001	D14CNKTDK 1	2.84	85		Khá	19	19	7,950,000	
799	19810410348	Vũ Đức	Thắng	04/03/2001	D14CNKTDK 1	2.66	84		Khá	19	19	7,950,000	
800	19810000158	Nguyễn Đình	Trung	04/02/2001	D14THDK&T DH	3.04	85		Khá	14	14	7,950,000	
801	19810000350	Phạm Anh	Dũng	27/01/2001	D14THDK&T DH	2.93	84		Khá	14	14	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
802	19810430324	Nguyễn Trung	Hiếu	09/07/2001	D14TDH&D KTBCN1	3.26	90		Giỏi	19	19	8,745,000	
803	19810430251	Nguyễn Văn	Hiếu	03/04/2001	D14TDH&D KTBCN3	3.21	94		Giỏi	19	19	8,745,000	
804	19810430273	Trần Anh	Thắng	15/03/2001	D14TDH&D KTBCN3	3.18	86		Khá	19	19	7,950,000	
805	19810430207	Nguyễn Đức Đại	Thắng	07/11/2001	D14TDH&D KTBCN3	3.11	88		Khá	19	19	7,950,000	
806	19810430274	Trần Tuấn	Dũng	31/7/2001	D14TDH&D KTBCN3	3.08	86		Khá	19	19	7,950,000	
807	19810430256	Trần Cao	Ngọc	20/04/2001	D14TDH&D KTBCN3	3.03	94		Khá	19	19	7,950,000	
808	19810430065	Trần Văn	Tuấn	26/10/2001	D14TDH&D KTBCN1	3	90		Khá	19	19	7,950,000	
809	19810430277	Nguyễn Minh	Vương	05/01/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.97	83		Khá	19	19	7,950,000	
810	19810430215	Trần Việt	Hoàng	12/12/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.97	85		Khá	19	19	7,950,000	
811	19810430233	Nguyễn Văn	Dương	10/09/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.97	87		Khá	19	19	7,950,000	
812	19810430211	Trần Lâm Hải	Long	18/3/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.95	88		Khá	19	19	7,950,000	
813	19810430241	Lê Văn	Đức	26/04/2000	D14TDH&D KTBCN3	2.87	84		Khá	19	19	7,950,000	
814	19810430239	Nguyễn Tùng	Lâm	22/02/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.84	86		Khá	19	19	7,950,000	
815	19810430275	Nguyễn Hà	Nam	12/04/2001	D14TDH&D KTBCN3	2.84	80		Khá	19	19	7,950,000	
816	19810430029	Nguyễn Thúy	Quỳnh	13/05/2001	D14TDH&D KTBCN4	2.82	94		Khá	19	19	7,950,000	
817	19810000108	Phan Thị Hà	Trúc	17/10/2001	D14NLTT	3.66	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
818	19810310026	Trần Tuấn	Anh	28/05/2000	D14CNPM1	3.93	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
819	19810310256	Đinh Thị	Thảo	08/03/2001	D14CNPM4	3.8	82		Giỏi	15	15	8,745,000	
820	19810310202	Hoàng Nghia	Trung	08/12/2001	D14CNPM3	3.8	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
821	19810310172	Hoàng Thị	Phương	08/10/2001	D14CNPM3	3.8	78		Khá	15	15	7,950,000	
822	19810320210	Phạm Đức	Long	08/04/2000	D14CNPM4	3.77	74		Khá	15	15	7,950,000	
823	19810310246	Nguyễn Văn Đại	Cương	19/12/2001	D14CNPM4	3.73	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
824	19810310151	Nguyễn Xuân	Thành	08/09/2001	D14CNPM3	3.73	81		Giỏi	15	15	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
825	19810310229	Nguyễn Thế	Đồng	05/08/2001	D14CNPM4	3.73	79		Khá	15	15	7,950,000	
826	19810310028	Vương Tuấn	Anh	16/05/2001	D14CNPM1	3.67	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
827	19810310262	Nguyễn Đức	Lương	24/03/2001	D14CNPM4	3.67	85		Giỏi	15	15	8,745,000	
828	19810310223	Đỗ Thị Bích	Ngọc	30/08/2001	D14CNPM4	3.67	76		Khá	15	15	7,950,000	
829	19810310054	Nguyễn Duy	Long	05/09/2001	D14CNPM1	3.63	79		Khá	15	15	7,950,000	
830	19810310158	Vương Văn	Linh	18/01/2001	D14CNPM3	3.6	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
831	19810310051	Hoàng Đức	Vinh	10/04/2001	D14CNPM1	3.6	82		Giỏi	15	15	8,745,000	
832	19810310018	Nguyễn Văn	Sang	30/05/2001	D14CNPM1	3.6	78		Khá	15	15	7,950,000	
833	19810310582	Nguyễn Ngọc	Duy	19/01/2001	D14CNPM8	3.6	90		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
834	19810310338	Đoàn Minh	Quang	23/9/2001	D14CNPM2	3.57	83		Giỏi	15	15	8,745,000	
835	19810310170	Nguyễn Thị Thanh	Vân	25/05/2001	D14CNPM3	3.57	74		Khá	15	15	7,950,000	
836	19810310145	Phạm Minh	Hải	21/01/2001	D14CNPM3	3.53	80		Giỏi	15	15	8,745,000	
837	19810310580	Nguyễn Đình	Mạnh	15/05/2001	D14CNPM8	3.53	81		Giỏi	15	15	8,745,000	
838	19810310071	Nguyễn Khắc	Trọng	20/1/2001	D14CNPM2	3.53	90		Giỏi	15	15	8,745,000	
839	19810310235	Phạm Văn	Minh	09/08/2001	D14CNPM4	3.53	90		Giỏi	15	15	8,745,000	
840	19810310657	Trần Trung	Kiên	24/11/2001	D14CNPM8	3.53	86		Giỏi	15	15	8,745,000	
841	19810310642	Đỗ Hoàng	Linh	22/07/2001	D14CNPM8	3.53	85		Giỏi	15	15	8,745,000	
842	19810310369	Nguyễn Văn	Mạnh	26/07/2001	D14CNPM4	3.53	77		Khá	15	15	7,950,000	
843	19810310367	Nguyễn Kiều Đăng	Quang	02/12/2001	D14CNPM4	3.53	74		Khá	15	15	7,950,000	
844	19810310616	Vũ Nhật	Minh	11/12/2001	D14CNPM8	3.5	91		Giỏi	15	15	8,745,000	
845	19810310031	Nguyễn Trung	Kiên	12/10/2001	D14CNPM1	3.5	74		Khá	15	15	7,950,000	
846	19810310177	Nguyễn Đăng Việt	Anh	12/01/2001	D14CNPM3	3.47	84		Giỏi	15	15	8,745,000	
847	19810310055	Phan Công	Huy	27/09/2001	D14CNPM1	3.47	75		Khá	15	15	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
848	19810310368	Nguyễn Mạnh	Thời	06/04/2001	D14CNPM4	3.47	75		Khá	15	15	7,950,000	
849	19810340249	Nguyễn Văn	Khoa	05/01/2001	D14HTTMDT ₂	4	81		Giỏi	14	14	8,745,000	
850	19810340595	Lê Thị Thu	Hiền	02/02/2001	D14HTTMDT ₁	4	80		Giỏi	11	11	8,745,000	
851	19810340231	Nguyễn Minh	Đức	20/9/2001	D14HTTMDT ₂	4	93		Xuất sắc	11	11	9,540,000	
852	19810340422	Nguyễn Việt	Dũng	16/4/2001	D14HTTMDT ₂	3.93	83		Giỏi	14	14	8,745,000	
853	19810340372	Đỗ Thị Thu	Huyền	01/11/2001	D14HTTMDT ₁	3.91	91		Xuất sắc	11	11	9,540,000	
854	19810320470	Bùi Đình	Sơn	09/12/2001	D14QTANM2	4	91		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
855	19810320673	Hà Mai	Lan	24/08/2001	D14QTANM2	3.8	96		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
856	19810320121	Trương Văn	Đức	11/09/2001	D14QTANM1	3.73	75		Khá	15	15	7,950,000	
857	19810320549	Nguyễn Lam	Trường	07/12/2001	D14QTANM2	3.67	94		Xuất sắc	15	15	9,540,000	
858	19810000356	Lê Quang	Sang	03/10/2001	D14TTNT&T GMT	4	87		Giỏi	15	15	8,745,000	
859	19810830073	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999	D14KT&KS	3.89	97		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
860	19810850003	Hoàng Minh	Dương	23/02/2001	D14KIEMTO AN	3.19	87		Khá	18	18	7,150,000	
861	19819110151	Nguyễn Văn	Sắc	04/10/2001	D14NHIET	2.8	86		Khá	23	23	7,950,000	
862	19819120146	Trương Minh	Thắng	14/10/2001	D14DIENLA NH	3.24	88		Giỏi	21	21	8,745,000	
863	19819120120	Đặng Long	Vũ	21/10/2001	D14DIENLA NH	3.21	90		Giỏi	21	21	8,745,000	
864	19819120148	Lý Thành	Long	01/09/2001	D14DIENLA NH	3.17	86		Khá	21	21	7,950,000	
865	19810230081	Nguyễn Văn	Hào	07/10/2001	D14LOGISTI CS1	4	98		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
866	19810230070	Lý Thị Thanh	Lam	02/07/2001	D14LOGISTI CS1	3.95	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
867	19810230073	Bùi Anh	Thư	24/10/2001	D14LOGISTI CS1	3.84	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
868	19810230040	Trần Bảo	Vân	03/11/2001	D14LOGISTI CS1	3.68	89		Giỏi	19	19	8,745,000	
869	19810230004	Trần Thanh	Yến	21/01/2001	D14LOGISTI CS1	3.68	84		Giỏi	19	19	8,745,000	
870	19810000081	Phạm Đức	Lương	05/04/2001	D14QLSX&T N	3.15	80		Khá	17	17	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
871	19810420011	Vũ Văn	Hùng	25/03/2001	D14QLBDCN	2.58	84		Khá	19	19	7,950,000	
872	19810000072	Lại Minh	Hiếu	24/05/2001	D14TTDIEN	3.12	95		Khá	17	17	7,950,000	
873	19810000100	Nguyễn Hoàng	Hải	13/12/2001	D14QLNLTN	2.65	76		Khá	17	17	7,950,000	
874	19810720140	Vũ Thị	Thoảng	09/07/2000	D14Q1DLKS ₂	3.84	82		Giỏi	19	19	7,865,000	
875	19810720231	Vũ Thị	Dinh	22/02/2001	D14Q1DLKS ₂	3.79	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
876	19810720257	Dương Thị	Bảo	29/05/2001	D14Q1DLKS ₂	3.76	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
877	19810720139	Nguyễn Thị	Mai	04/06/2001	D14Q1DLKS ₂	3.76	90		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
878	19810720199	Ngô Thị	Liên	07/08/2001	D14Q1DLKS ₂	3.74	86		Giỏi	19	19	7,865,000	
879	19810720172	Lương Trọng	Đồng	17/9/2001	D14Q1DLKS ₂	3.71	83		Giỏi	19	19	7,865,000	
880	19810720205	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001	D14Q1DLKS ₂	3.68	87		Giỏi	19	19	7,865,000	
881	19810720069	Nguyễn Thị Thanh	Hương	01/02/2001	D14Q1DLKS ₁	3.66	90		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
882	19810840073	Bùi Út	My	19/6/2001	D14NGANH ANG	3.58	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
883	19810840010	Nguyễn Ánh	Nguyệt	04/09/2001	D14NGANH ANG	3.47	91		Giỏi	19	19	7,865,000	
884	19810840008	Trần Thị Ngọc	Ánh	05/12/2001	D14NGANH ANG	3.39	87		Giỏi	19	19	7,865,000	
885	19810820076	Kiều Thị Yến	Phượng	01/12/2001	D14TCDN	3.53	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
886	19810820051	Lê Thị Hà	Phương	08/09/2001	D14TCDN	3.53	85		Giỏi	19	19	7,865,000	
887	19810000112	Phan Thị Thu	Phương	08/07/2001	D14KDTMTT	3.75	92		Xuất sắc	18	18	8,580,000	
888	19810000017	Bùi Thành	Nam	18/02/2001	D14KDTMTT	3.67	91		Xuất sắc	18	18	8,580,000	
889	19810810027	Nguyễn Thị	Hòa	20/9/2001	D14KTDN1	3.84	88		Giỏi	19	19	7,865,000	
890	19810810009	Phạm Thị	Ánh	04/01/2001	D14KTDN1	3.84	89		Giỏi	19	19	7,865,000	
891	19810810189	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	D14KTDN3	3.79	92		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
892	19810810070	Đỗ Thanh	Hà	18/12/2001	D14KTDN2	3.76	84		Giỏi	19	19	7,865,000	
893	19810810046	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/01/2001	D14KTDN1	3.74	88		Giỏi	19	19	7,865,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
894	19810810001	Đặng Vân	Anh	26/09/2001	CLC.D14KT DN	3.69	95		Xuất sắc	16	16	8,580,000	
895	19810810072	Lý Diệu	Hương	31/12/2001	D14KTDN2	3.68	98		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
896	19810830149	Hà Thị Thu	Hà	11/12/2001	D14KTDN2	3.63	88		Giỏi	19	19	7,865,000	
897	19810810023	Phạm Nhật	Huyền	19/10/2001	D14KTDN1	3.63	91		Xuất sắc	19	19	8,580,000	
898	19810810113	Nguyễn Như	Quỳnh	19/10/2001	D14KTDN3	3.58	96		Giỏi	19	19	7,865,000	
899	19810810139	Bùi Nguyệt	Nga	02/04/2001	D14KTDN3	3.58	93		Giỏi	19	19	7,865,000	
900	19810810192	Kiều Thị	Thúy	28/4/2001	D14KTDN3	3.58	90		Giỏi	19	19	7,865,000	
901	19810710095	Vương Mạc	Linh	24/01/2001	D14QTDN1	3.83	87		Giỏi	18	18	7,865,000	
902	19810710241	Đỗ Ngọc	Anh	07/07/2001	D14QTDN3	3.78	93		Xuất sắc	18	18	8,580,000	
903	19810710089	Phạm Ngọc	Anh	25/04/2001	D14QTDN1	3.72	86		Giỏi	18	18	7,865,000	
904	19810710125	Nguyễn Thị	Lành	01/01/2001	D14QTDN2	3.72	88		Giỏi	18	18	7,865,000	
905	19810710137	Trần Khánh	Chi	26/08/2001	D14QTDN2	3.61	83		Giỏi	18	18	7,865,000	
906	19810710100	Trần Hoài Phương	Trang	05/12/2001	D14QTDN2	3.61	88		Giỏi	18	18	7,865,000	
907	19810710087	Nguyễn Hương	Giang	23/08/2001	D14QTDN1	3.61	93		Xuất sắc	18	18	8,580,000	
908	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	02/09/2001	D14QTDN1	3.56	92		Giỏi	18	18	7,865,000	
909	19810710016	Nguyễn Thu	Trang	17/10/2001	D14QTDN1	3.56	87		Giỏi	18	18	7,865,000	
910	19810710264	Đoàn Thị	Giang	13/07/2001	D14QTDN3	3.56	86		Giỏi	18	18	7,865,000	
911	18810620064	Nguyễn Thăng	Long	13/11/2000	D13CODT3	4	93		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
912	18810620144	Đỗ Văn	Trương	14/07/2000	D13CODT1	4	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
913	18810620072	Nguyễn Bá Tùng	Lộc	19/04/2000	D13CODT3	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
914	18810620006	Nguyễn Hoàng	Nam	11/04/2000	D13CODT3	4	89		Giỏi	19	19	8,745,000	
915	18810620123	Ngô Thu	Huyền	09/02/2000	D13CODT2	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
916	18810620153	Hoàng Văn	Hùng	05/10/1999	D13CODT3	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
917	18810620027	Nguyễn Viết	Chinh	24/11/2000	D13CODT1	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
918	18810620139	Nghiêm Công	Chiến	13/02/2000	D13CODT2	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
919	18810620148	Lê Đức	Hậu	29/10/2000	D13CODT3	4	87	3.23	Giỏi	19	19	8,745,000	
920	18810610053	Bùi Văn	Đạt	14/04/2000	D13CKCTM	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
921	18810610003	Nguyễn Văn	Nghĩa	16/06/2000	D13CKCTM	4	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
922	18810610036	Nguyễn Văn	Trị	10/08/2000	D13CKCTM	4	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
923	18810610012	Bùi Anh	Dũng	07/02/2000	D13CKCTM	4	84		Giỏi	19	19	8,745,000	
924	18810660066	Nguyễn Thành	Chung	04/09/2000	D13CNCTTB D	4	96		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
925	18810650001	Nguyễn Trung	Hải	01/09/2000	D13XDDD& CN	4	96		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
926	18810540050	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000	D13DT&KT MT	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
927	18810540031	Đào Thị	Nhung	08/01/2000	D13DT&KT MT	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
928	18810540013	Đặng Thị	Hằng	03/04/2000	D13DT&KT MT	4	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
929	18810550041	Nguyễn Bá Việt	Tùng	16/01/2000	D13DT&ROB OT	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
930	18810510053	Lò Văn	Hải	03/03/2000	D13DTVT	4	95		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
931	18810510039	Phạm Duy	Anh	01/08/2000	D13DTVT	4	86		Giỏi	19	19	8,745,000	
932	18810510082	Vũ Văn	Diễn	07/01/2000	D13DTVT	4	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
933	18810510085	Hoàng Trung	Thành	15/02/2000	D13DTVT	4	85		Giỏi	19	19	8,745,000	
934	18810530059	Dương Mạnh	Tuấn	21/08/2000	D13DTYT	4	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
935	18810000138	Bùi Hoàng	Anh	08/06/2000	D13KTDT	4	87		Giỏi	19	19	8,745,000	
936	18810000092	Đặng Tổ	Uyên	08/06/2000	D13KTDT	4	87		Giỏi	19	19	8,745,000	
937	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	02/01/2000	D13DCN&D D1	4	96		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
938	18810420077	Phạm Dương	Thuận	11/06/2000	D13DCN&D D2	4	96		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
939	18810420082	Dương Quốc	Cường	16/09/2000	D13DCN&D D1	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
940	18810420278	Đinh Quang	Long	06/02/2000	D13DCN&D D1	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
941	18810110228	Trần Công	Minh	20/09/2000	D13DCN&D D2	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
942	18810420102	Đoàn Minh	Đạo	24/09/2000	D13DCN&D D1	4	84	2.61	Giỏi	19	19	8,745,000	
943	18810160038	Hoàng Kiên	Cường	09/12/2000	D13H3	4	100		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
944	18810110264	Hoàng Đình	Văn	14/06/2000	D13H3	4	95		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
945	18810110263	Vũ Thị	Thanh	13/08/2000	D13H3	4	95		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
946	18810110180	Vũ Trung	Kiên	20/01/2000	D13H2	4	93		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
947	18810110128	Mai Xuân	Minh	24/01/2000	D13H1	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
948	18810110271	Phạm Gia	Khiêm	07/04/2000	D13H1	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
949	18810110030	Phạm Việt	Long	20/08/2000	D13H1	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
950	18810110266	Trần Thế	Mạnh	01/10/2000	D13H2	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
951	18810110171	Phạm Việt Quốc	Anh	12/07/2000	D13H2	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
952	18810170170	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	10/07/2000	D13H3	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
953	18810110181	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000	D13H2	4	89	3.2	Giỏi	19	19	8,745,000	
954	18810170149	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000	D13TDHHTD	4	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
955	18810170009	Phạm Cao	Bắc	16/09/2000	D13TDHHTD	4	87		Giỏi	19	19	8,745,000	
956	18810170029	Nguyễn Công	Cường	06/01/2000	D13TDHHTD	4	87		Giỏi	19	19	8,745,000	
957	18810110065	Nguyễn Văn	Huy	21/01/2000	D13TDHHTD	4	86	2.99	Giỏi	19	19	8,745,000	
958	18810170328	Nguyễn Hữu	Sơn	13/08/2000	D13TDHHTD	4	86	2.99	Giỏi	19	19	8,745,000	
959	18810410108	Đoàn Việt	Giang	05/06/2000	D13CNKTDK	4	95		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
960	18810410047	Đinh Hồng	Phong	17/04/2000	D13CNKTDK	4	93		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
961	18810410207	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/03/2000	D13CNKTDK	4	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
962	18810410188	Đào Minh	Tiến	06/06/2000	D13CNKTDK	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
963	18810410232	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000	D13CNKTDK	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
964	18810430214	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	93		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
965	18810430074	Tạ Đình	Bắc	07/09/2000	D13TDH&D KTBCN1	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
966	18810430156	Vũ Nhật	Long	13/03/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
967	18810430168	Vũ Thị Thanh	Thư	08/10/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
968	18810430012	Vũ Hoàng	Minh	26/11/2000	D13TDH&D KTBCN3	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
969	18810430130	Phạm Thanh	Long	02/07/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	89		Giỏi	19	19	8,745,000	
970	18810430072	Lê Thanh	Thuận	14/09/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
971	18810430217	Nguyễn Nhữ	Hậu	20/10/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
972	18810430192	Phí Thành	Long	31/10/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	87	3.41	Giỏi	19	19	8,745,000	
973	18810430122	Nguyễn Hoàng	Anh	21/08/2000	D13TDH&D KTBCN2	4	87	3.39	Giỏi	19	19	8,745,000	
974	18819100003	Lò Văn	Liên	20/06/2000	D13CNKTNL	4	87		Giỏi	19	19	8,745,000	
975	18810310428	Nguyễn Văn	Nam	12/10/2000	D13CNPM5	4	96	3.76	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
976	18810310325	Phuong Công	Thắng	25/07/2000	D13CNPM4	4	94	3.83	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
977	18810310034	Đỗ	Hùng	26/08/2000	D13CNPM1	4	93	3.56	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
978	18810310087	Trần Thị Mai	Hương	19/07/2000	D13CNPM1	4	93	3.04	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
979	18810310436	Ngô Thị	Huệ	10/07/2000	D13CNPM5	4	91	3.78	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
980	18810310351	Hoàng Thị Thanh	Loan	08/06/2000	D13CNPM4	4	91	3.49	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
981	18810310391	Bùi Thị Vân	Anh	16/10/2000	D13CNPM5	4	91	3.28	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
982	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	08/02/2000	D13CNPM3	4	90	3.56	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
983	18810310364	Hoàng Thu	Phương	12/08/2000	D13CNPM4	4	90	3.61	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
984	18810310196	Trương Anh	Vinh	23/06/2000	D13CNPM2	4	90	3.26	Xuất sắc	19	19	9,540,000	
985	18810310229	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/08/2000	D13CNPM3	4	90	3.38	Xuất sắc	19	19	9,540,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng kí	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
986	18810310514	Nguyễn Trọng	Thanh	07/06/2000	D13CNPM6	4	88	3.57	Giỏi	19	19	8,745,000	
987	18810310415	Nguyễn Thị	Nhung	05/09/2000	D13CNPM5	4	88	3.39	Giỏi	19	19	8,745,000	
988	18810310493	Ngô Vĩnh	Đạt	07/07/2000	D13CNPM6	4	88	3.2	Giỏi	19	19	8,745,000	
989	18810310496	Trịnh Nhật	Huy	21/11/2000	D13CNPM6	4	87	2.89	Giỏi	19	19	8,745,000	
990	18810310076	Trần Văn	Hào	22/12/2000	D13CNPM1	4	87	3.04	Giỏi	19	19	8,745,000	
991	18810310431	Nguyễn Khắc	Mạnh	04/08/2000	D13CNPM5	4	86	3.3	Giỏi	19	19	8,745,000	
992	18810310241	Đoàn Ngọc	Duy	16/05/2000	D13CNPM3	4	85	3.5	Giỏi	19	19	8,745,000	
993	18810310021	Nguyễn Hoàng	Minh	10/12/2000	D13CNPM1	4	85	3.23	Giỏi	19	19	8,745,000	
994	18810320658	Nguyễn Thị	Chinh	07/02/2000	D13CNPM1	4	85	3.58	Giỏi	19	19	8,745,000	
995	18810310040	Lê Quang	Huy	09/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.6	Giỏi	21	19	8,745,000	
996	18810310050	Nguyễn Thế	Trường	25/07/2000	D13CNPM1	4	85	2.97	Giỏi	19	19	8,745,000	
997	18810310341	Trần Văn	An	16/06/2000	D13CNPM4	4	84	3.25	Giỏi	19	19	8,745,000	
998	18810310365	Nguyễn Diệu	Linh	01/05/2000	D13CNPM4	4	84	3.65	Giỏi	19	19	8,745,000	
999	18810310529	Nguyễn Tiến	Đạt	28/12/2000	D13CNPM6	4	84	3.05	Giỏi	19	19	8,745,000	
1000	18810310124	Vũ Minh	Châu	26/05/2000	D13CNPM2	4	83	3.8	Giỏi	19	19	8,745,000	
1001	18810310192	Đỗ Mai	Phúc	10/09/2000	D13CNPM2	4	83	3.66	Giỏi	19	19	8,745,000	
1002	18810310256	Đỗ Thị	Thu	04/07/2000	D13CNPM3	4	83	3.48	Giỏi	19	19	8,745,000	
1003	18810310242	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/11/2000	D13CNPM3	4	83	3.34	Giỏi	19	19	8,745,000	
1004	18810340225	Ngô Minh	Hiếu	07/04/2000	D13HTTMDT ₁	4	96		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1005	18810340214	Nguyễn Vũ Ngọc	Hồng	25/10/2000	D13HTTMDT ₁	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1006	18810340638	Trần Thị	Nga	05/06/2000	D13HTTMDT ₂	4	93		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1007	18810340497	Nguyễn Thị Diễm	Hương	02/06/2000	D13HTTMDT ₂	4	85	3.41	Giỏi	19	19	8,745,000	
1008	18810340613	Kiều Thị	Trang	23/10/2000	D13HTTMDT ₂	4	85	3.4	Giỏi	19	19	8,745,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1009	18810340342	Ngô Đức	Thắng	23/01/2000	D13HTTMDT ₁	4	85	3.32	Giỏi	19	19	8,745,000	
1010	18810340607	Lê Hoa	Mỹ	17/10/2000	D13HTTMDT ₂	4	85	3.31	Giỏi	19	19	8,745,000	
1011	18819120027	Lê Quý	Bách	28/08/2000	D13DIENLA NH	4	98		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1012	18819120009	Nguyễn Đình	Khải	10/07/2000	D13DIENLA NH	4	88		Giỏi	19	19	8,745,000	
1013	18810230012	Nguyễn Việt	Hoàng	30/08/2000	D13LOGISTI CS	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1014	18810230029	Đỗ Thị Thu	Hà	19/11/2000	D13LOGISTI CS	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1015	18810230050	Trần Thu	Hiền	14/12/2000	D13LOGISTI CS	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1016	18819110018	Nguyễn Công	Hòa	08/08/2000	D13NHIET	4	92		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1017	18810220031	Phan Mai	Linh	26/10/2000	D13QLCN	4	95		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1018	18810220005	Dương Thành	Nam	12/10/2000	D13QLCN	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1019	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	01/10/2000	D13QLNL	4	94		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1020	18810310295	Đoàn Thị Thu	Trang	30/12/2000	D13QTANM	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1021	18810340678	Phạm Thị	Ngọc	09/10/2000	D13QTANM	4	91		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1022	18810320043	Hoàng Đức	Hoan	26/08/2000	D13QTANM	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
1023	18810320073	Nguyễn Thị	Hằng	13/11/2000	D13QTANM	4	90		Xuất sắc	19	19	9,540,000	
Tổng												8,507,325,000	

Phòng CTSV

Người lập biểu

Nguyễn Tiến Thành

Trịnh Thị Hoàng